

AI và quyền tác giả - góc nhìn từ luật pháp Việt Nam

Sự phát triển nhanh chóng của hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm thay đổi căn bản cách thức sáng tạo nội dung trong các lĩnh vực khoa học, âm nhạc, điện ảnh, xuất bản, thiết kế và truyền thông số... Trong bối cảnh đó, việc xác định quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) đối với các sản phẩm có sự tham gia của AI đã trở thành một vấn đề pháp lý cấp thiết.

LS. LÊ QUANG VY (*)

Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể khi tại kỳ họp thứ 10, ngày 10-12-2025, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT, trong đó đã bổ sung điều khoản quy định các trường hợp đối tượng quyền SHTT được tạo ra có sử dụng AI. Tiếp đó, ngày 31-3-2026 Chính phủ đã ban hành Nghị định 100/2026/NĐ-CP nhằm cụ thể hóa việc xác lập quyền đối với đối tượng quyền sở hữu công nghiệp được tạo ra có sử dụng AI; và ngày 6-4-2026 Chính phủ ban hành Nghị định 134/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 17/2023/NĐ-CP liên quan đến việc phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm văn học nghệ thuật, cuộc biểu diễn, bản ghi, chương trình phát sóng trong trường hợp có sử dụng AI.

Con người giữ vai trò trung tâm trong sáng tạo

Điều 6 Luật SHTT minh thị Chính phủ quy định việc phát sinh, xác lập quyền SHTT trong trường hợp đối tượng quyền SHTT được tạo ra có sử dụng AI. Theo đó, tại Nghị định 100/2026 cũng như Nghị định 134 khẳng định AI không phải là chủ thể quyền tác giả đối với các đối tượng thuộc quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả và quyền liên quan. Các đối tượng thuộc quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả và quyền liên quan được tạo ra bởi AI chỉ phát sinh quyền khi có sự đóng góp đáng kể và mang tính quyết định của con

người trong quá trình sáng tạo. Điều này phản ánh quan điểm nhất quán rằng AI chỉ là công cụ hỗ trợ, còn yếu tố sáng tạo vốn là nền tảng của quyền tác giả phải xuất phát từ trí tuệ của con người.

Nghị định 100 quy định rõ đối với quyền sở hữu công nghiệp như các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí do con người sử dụng AI để tạo ra, chỉ được xác lập quyền tác giả khi con người có đóng góp đáng kể vào việc sáng tạo ra các đối tượng đó. Tương tự, Nghị định 134 quy định các tác phẩm văn học nghệ thuật, cuộc biểu diễn, bản ghi, chương trình phát sóng do con người sử dụng AI để tạo ra cũng chỉ phát sinh quyền tác giả và quyền liên quan khi do chính con người đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào việc sáng tạo ra tác phẩm, định hình hoặc thực hiện cuộc biểu diễn, bản ghi chương trình phát sóng.

Đây là điểm mới của Luật SHTT Việt Nam khi tiếp cận vấn đề này, phù hợp với xu hướng quốc tế, khi nhiều quốc gia và tổ chức như Mỹ, EU đều từ chối công nhận quyền tác giả đối với sản phẩm hoàn toàn do AI tạo ra. Đồng thời, quy định cũng mở ra khả năng bảo hộ cho các sản phẩm có sử dụng AI, miễn là người sáng tạo chứng minh được vai trò kiểm soát và đóng góp trí tuệ của mình.

“
Trong kỷ nguyên AI, quyền tác giả không còn là câu chuyện đơn thuần của sáng tạo cá nhân, mà đã trở thành một hệ sinh thái phức tạp, nơi công nghệ và pháp luật phải song hành để định hình tương lai của ngành sáng tạo.”



Như thế nào là “đóng góp đáng kể”?

Nghị định 100 và Nghị định 134 đã cụ thể hóa khái niệm “đóng góp đáng kể” thông qua các hành vi như: thiết lập câu lệnh, lựa chọn và xử lý dữ liệu đầu vào, chỉnh sửa kết quả, đưa ra quyết định nghệ thuật và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm cuối cùng. Đây là một bước tiến quan trọng, giúp phân biệt giữa người sáng tạo thực sự và người chỉ sử dụng AI một cách thụ động.

Đối với các quyền sở hữu công nghiệp, khi có sự tham gia của AI thì con người chỉ được công nhận là tác giả nếu có đóng góp đáng kể vào quá trình sáng tạo ra sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí. Cụ thể con người phải thực hiện toàn bộ các hoạt động như: (i) Xác định vấn đề cần giải quyết, bao hàm cả ý tưởng và giải pháp chứ không chỉ mô tả chung chung; (ii) Lựa chọn dữ liệu đầu vào từ ý tưởng sáng tạo của con người chứ không chỉ dựa trên dữ liệu có sẵn hoặc từ gợi ý của AI; (iii) Đánh giá, lựa chọn, chỉnh sửa, thử nghiệm và diễn giải kết quả do AI tạo ra song việc chỉnh sửa phải làm thay đổi cấu trúc hoặc chức năng cốt lõi của kết quả AI nhằm tạo ra giá trị mới; (iv) Quyết định kết quả cuối cùng phải do con người.

Điểm đáng chú ý là điều 10a.3 Nghị định 100 quy định rõ đối với các quyền sở hữu công nghiệp do AI tạo ra nhưng không có sự đóng góp đáng kể của con người, mặc dù luật pháp không công nhận có quyền tác giả, nhưng người sử dụng AI tạo ra các đối tượng thuộc quyền sở hữu công nghiệp vẫn có quyền sử dụng, cho phép người khác sử dụng với điều kiện không được xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

Đối với người sáng tạo tác phẩm văn học nghệ thuật có sử dụng AI thì điểm a khoản 1 điều 5a Nghị định 134 quy định, con người phải có đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào việc sáng tạo ra tác phẩm. Cụ thể như: (i) Con người cung cấp dữ liệu đầu vào, tham số kỹ thuật mang tính nguyên gốc của mình, thiết lập câu lệnh; con người phải đánh giá, chỉnh sửa, can thiệp hoặc diễn giải kết quả do AI tạo ra; con người phải lựa chọn, sắp xếp, tổ chức nội dung, hình thức thể hiện đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi, chương trình phát sóng nhằm quyết định về nghệ thuật, thẩm mỹ, chuyên môn để đưa ra kết quả cuối cùng phản ánh đúng ý tưởng của mình thay vì sự sắp đặt ngẫu nhiên, tự động của thuật toán; (ii) Con người chịu trách nhiệm về đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan của mình

được tạo ra bởi AI; (iii) Người sử dụng AI để tạo ra tác phẩm không được gây phương hại đến quyền tác giả, quyền liên quan của các đối tượng được sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho AI. Như vậy, nếu không đáp ứng được các tiêu chí nêu trên, các sản phẩm hoàn toàn do AI tạo ra sẽ không phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan. Lưu ý quyền liên quan của người biểu diễn chỉ phát sinh đối với cá nhân trực tiếp thực hiện cuộc biểu diễn bằng hành vi nghệ thuật của mình.

Luật pháp Việt Nam minh thị sản phẩm do AI tạo ra nếu không có con người đóng góp đáng kể thì không có quyền tác giả. Điều này giúp bảo vệ người sáng tạo thực sự, tránh được sự lạm phát bản quyền. Luật SHTT cho phép tổ chức, cá nhân sử dụng dữ liệu về đối tượng quyền SHTT đã được công bố hợp pháp để huấn luyện AI, tuy nhiên việc sử dụng này không được làm ảnh hưởng bất hợp lý đến quyền và lợi ích của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Mặt khác, luật cũng cho phép tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan được quyền bảo lưu, tức có quyền không cho phép sử dụng dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan của mình để huấn luyện AI. Song quyền bảo lưu sẽ không áp dụng nếu dữ liệu là đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan đã được công bố hợp pháp, người sử dụng được tiếp cận hợp pháp. Điểm nổi bật là luật nêu rõ “Kết quả đầu ra của AI không thay thế thị trường tiêu thụ hoặc khai thác bình thường đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan, không tạo ra việc cạnh tranh không lành mạnh đối với việc khai thác, sử dụng đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan”.

Tuy nhiên, luật chưa làm rõ cơ chế xác định trách nhiệm trong trường hợp vi phạm. Liệu người sử dụng AI hay nhà cung cấp hệ thống AI có phải chịu trách nhiệm? Khoảng trống này có thể dẫn đến tranh chấp phức tạp trong tương lai, đặc biệt trong các lĩnh vực như âm nhạc và hình ảnh. Ngoài ra, để tránh tình trạng áp dụng thiếu thống nhất, dễ phát sinh tranh chấp và cơ quan tài phán khó xử hay đóng góp ít nhưng vẫn được công nhận là tác giả..., luật pháp cần dự liệu các tiêu chí định lượng, như chỉnh sửa bao nhiêu là đáng kể, cũng như giá trị đóng góp giữa các hành vi như kỹ năng viết câu lệnh, quyết định thẩm mỹ, nghệ thuật, chuyên môn.

Nghĩa vụ chứng minh, kê khai trung thực

Nghị định 134 quy định khi xảy ra tranh chấp hay khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, người yêu cầu bảo vệ quyền phải cung cấp tài liệu chứng minh quy trình làm việc với AI để sáng tạo tác phẩm văn học nghệ thuật như phải kê khai trung thực việc sử dụng AI. Tài liệu để chứng minh có thể bao gồm: (i) Dữ liệu đầu vào,

tham số kỹ thuật, bản thảo, các bản trung gian, chỉnh sửa trong quá trình sáng tạo; (ii) Lịch sử câu lệnh, dữ liệu tương tác; (iii) Tài liệu mô tả quá trình sáng tạo hoặc các tài liệu hợp pháp khác thể hiện sự đóng góp trí tuệ và sự kiểm soát của con người. Tổ chức, cá nhân sử dụng dữ liệu đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan huấn luyện AI phải có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ kỹ thuật, dữ liệu huấn luyện và phải cung cấp khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ xác minh, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm. Điều này tạo ra một chuẩn mực mới về tính minh bạch trong sáng tạo, buộc các cá nhân và doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống lưu trữ (lưu câu lệnh, lưu lịch sử, lưu tài liệu...) và quản lý dữ liệu sáng tạo.

Tuy nhiên, thông thường các cá nhân hầu như không xây dựng hệ thống lưu trữ. Còn đối với các doanh nghiệp nội dung số, đây vừa là thách thức về chi phí và vận hành, vừa là cơ hội để chuẩn hóa quy trình và nâng cao giá trị tài sản trí tuệ. Do đó để giảm bớt gánh nặng chứng minh qua việc lưu trữ, pháp luật cần bổ sung sự suy đoán hợp lý và các chứng cứ gián tiếp.

Đảm bảo cân bằng giữa xu hướng phát triển và quyền tác giả

Luật pháp Việt Nam quy định các sản phẩm hoàn toàn do AI tạo ra sẽ không được bảo hộ quyền tác giả. Tuy nhiên trong xu hướng phát triển, nên chăng đưa lên bàn cân điều này nhằm bảo vệ các giá trị kinh tế do các sản phẩm AI tạo ra trong tương lai. Bởi khi AI ngày càng có khả năng tạo ra nội dung chất lượng cao, việc thiếu cơ chế bảo hộ có thể ảnh hưởng đến động lực đầu tư và phát triển công nghệ, đồng thời tạo ra khoảng trống pháp lý trong khai thác thương mại.

Nhìn chung, việc Việt Nam sửa đổi, bổ sung Luật SHTT thể hiện nỗ lực cân bằng giữa hai mục tiêu khuyến khích đổi mới sáng tạo dựa trên AI và bảo vệ nền tảng pháp lý của quyền tác giả. Đây là một bước đi cần thiết trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ của ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo. Tuy nhiên, để các quy định này đi vào cuộc sống, cần tiếp tục hoàn thiện các hướng dẫn chi tiết, đặc biệt về tiêu chí đánh giá đóng góp sáng tạo và cơ chế xử lý dữ liệu đầu vào. Đồng thời, doanh nghiệp và người sáng tạo cũng cần chủ động thích ứng, xây dựng quy trình làm việc với AI một cách bài bản và có kiểm soát.

Trong kỷ nguyên AI, quyền tác giả không còn là câu chuyện đơn thuần của sáng tạo cá nhân, mà đã trở thành một hệ sinh thái phức tạp, nơi công nghệ và pháp luật phải song hành để định hình tương lai của ngành sáng tạo.

^(*) Công ty Luật TNHH Global Vietnam Lawyers